TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HỒNG NGỰ** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 07-5-2019
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HỒNG NGỰ, TỈNH ĐỒNG THÁP

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Dung.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lâm Văn Bình.

2. Bà Lê Kim Tuyền.

***Thư ký phiên tòa*:** Bà Hồ Thị Y Phụng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Định – Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện HN, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 281/2018/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 12 năm 2018 về ly hôn, tranh chấp về nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 21/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 3 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Ngô Thị T, sinh năm 1993. Địa chỉ cư trú: ấp L, xã A, huyện HN, tỉnh Đ. Có mặt.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Văn T’, sinh năm 1985. Địa chỉ cư trú: ấp L, xã A, huyện HN, tỉnh Đ. Vắng mặt.

3. Người làm chứng: Bà Nguyễn Thị Ư, sinh năm 1953. Địa chỉ cư trú: ấp L, xã A, huyện HN, tỉnh Đ. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Về quan hệ hôn nhân:

Theo đơn khởi kiện ngày 24/12/2018 trong quá trình tiến hành tố tụng và tại phiên tòa sơ thẩm. Nguyên đơn chị Ngô Thị T, trình bày: Chị và anh T’ cưới nhau vào năm 2012, không nhớ ngày tháng, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện HN. Hôn nhân do quen biết trước. Sau khi cưới chị và anh T’ sống cùng gia đình anh T’, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Nguyên nhân do vợ chồng

thường bất đồng quan điểm sống, sống không hợp nhau nên thường xuyên cự cãi, anh T' còn đánh chị nhưng không gây thương tích. Ngoài ra, vợ chồng không còn mâu thuẫn nào khác. Tại phiên tòa chị T trình bày chị và anh T' không còn sống chung cách nay khoảng 06 tháng, hiện chị và con chung đã về nhà cha mẹ ruột sinh sống, anh T' có đến nhà cha mẹ ruột chị và cũng có gọi điện năn nỉ kêu chị về cùng sinh sống với anh T' nhưng chị không đồng ý. Chị đã suy nghĩ rất kỹ, chị đã chịu đựng nhiều lần và cũng cho anh T' nhiều cơ hội nhưng anh T' không sữa đổi nên chị và anh T' sống không hạnh phúc. Trong quá trình Tòa án giải quyết thì anh T' đồng ý ly hôn, sau đó ngày 06/3/2019 chị và anh T' cùng đến Tòa án để hòa giải. Khi đến Tòa án thì anh T' ra điều kiện chị phải đưa sổ hộ khẩu gia đình cho anh T' quản lý thì anh T' sẽ đồng ý ký tên thống nhất ly hôn nhưng chị không đồng ý và hai bên bỏ ra về. Sau đó thì anh T' lên Thành phố Hồ Chí Minh làm cho đến nay. Nay tình cảm vợ chồng không còn nữa, chị yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Văn T'.

Trong quá trình tiến hành tố tụng bị đơn anh Nguyễn Văn T', trình bày: Anh không nhớ ngày tháng năm anh và chị T cưới nhau, chỉ nhớ vợ chồng cưới nhau cách nay khoảng 06-07 năm, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A. Anh và chị T cưới nhau do quen biết trước, sau khi cưới anh và chị T cùng sống bên gia đình anh, cuộc sống vợ chồng hạnh phúc, cự cãi vài lần. Nguyên nhân do anh uống rượu thì chị T cằn nhằn nên vợ chồng cự cãi, khi anh không đi làm thì mới uống rượu, trung bình tháng anh uống khoảng 20 ngày. Ngoài ra, vợ chồng không còn mâu thuẫn nào khác. Anh và chị T không còn sống chung cách nay khoảng 01 tuần, anh có gặp chị T năn nỉ, để vợ chồng đoàn tụ nhưng chị T kiên quyết không về nhà mà ở nhà mẹ ruột. Nay chị T yêu cầu ly hôn không thống nhất ly hôn, vì anh còn thương chị T.

2. Về nuôi con chung: Chị T và anh T' thống nhất trình bày: Anh chị chung sống có một con chung là con trai Nguyễn Văn Q, sinh ngày 05/10/2013. Chị T và anh T' thống nhất thỏa thuận. Chị T được tiếp tục nuôi dưỡng con chung Q, anh T' không phải cấp dưỡng nuôi con, do chị T tự nguyện không yêu cầu.

3. Về tài sản chung: Chị T và anh T' thống nhất trình bày: Anh chị chung sống với nhau không có tài sản chung nên về tài sản chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung: Chị T và anh T' thống nhất trình bày: Anh chị chung sống không có thiếu nợ, cũng không ai thiếu nợ anh chị nên về nợ chung không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình tiến hành tố tụng: Người làm chứng bà Nguyễn Thị Ư, trình bày: Bà là dì họ của anh T', nhà bà gần nhà anh T' và không có mâu thuẫn với hai bên. Chị T và anh T' có mâu thuẫn, vì hiện nay anh T' và chị T không còn sống chung, nhà ai nấy ở, bà ở gần nhà thì thấy anh T' có uống rượu. Ngoài ra, bà không biết vợ chồng anh T' có mâu thuẫn nào khác không. Bà nghe anh T' nói là lần sau Tòa án có mời thì sẽ ký tên ly hôn với chị T. Theo bà, người vợ muốn ly hôn thì vợ chồng không hàn gắn được. Con chung hiện tại đang sống với chị T, chị T là mẹ sẽ nuôi dưỡng con tốt hơn anh T', nếu vợ chồng ly hôn thì con sống với mẹ lúc nào

cũng tốt hơn so với sống với cha. Anh T’ sống cũng ngoan hiền nhưng chỉ có uống rượu. Nghe anh T’ nói năn nỉ vợ và bên vợ nhưng không được, chị T vẫn cương quyết ly hôn. Anh T’ hàng ngày đi làm thuê, ai kêu gì làm nấy, có ngày không đi làm. Bà không biết vợ chồng anh T’ chung sống có tài sản hay có thiếu nợ ai không. Ngoài ra, bà không trình bày gì thêm.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án và quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán thụ lý giải quyết vụ án theo đúng các quy định của pháp luật. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tiến hành đúng trình tự thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật. Người tham gia tố tụng chấp hành tốt nội quy phiên tòa. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Cho chị Ngô Thị T được ly hôn với anh Nguyễn Văn T’. Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận giữa chị T và anh T’, chị T được tiếp tục nuôi dưỡng giáo dục con chung Nguyễn Văn Q, sinh ngày 05/10/2013, anh T’ không phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Nguyên đơn chị Ngô Thị T có đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân huyện HN yêu cầu giải quyết ly hôn giữa chị và anh Nguyễn Văn T’ thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện HN, tỉnh Đ theo quy định tại khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình, khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn anh Nguyễn Văn T’, người làm chứng bà Nguyễn Thị Ư đã được triệu tập hợp lệ lần hai để tham dự phiên tòa sơ thẩm nhưng anh T’, bà Ư vắng mặt, không có lý do. Tuy nhiên bà Ư đã có lời khai với Tòa án nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà Ư và anh T’ theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 2 Điều 229 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân giữa chị Ngô Thị T và anh Nguyễn Văn T’ được pháp luật công nhận. Vì, có đăng ký kết hôn, theo giấy chứng nhận kết hôn số 68, quyển số 0I ngày 11/5/2012 tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện HN, tỉnh Đ là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình.

Xét, yêu cầu ly hôn của chị Ngô Thị T là có căn cứ để chấp nhận, vì trong quá trình chung sống chị T và anh T’ đã có mâu thuẫn với nhau là có thật. Hội đồng xét xử nhận thấy trong hôn nhân vợ chồng cần phải thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình nhưng chị T, anh T’ đều thừa nhận anh, chị hiện không còn sống chung. Đồng thời, anh T’ thừa nhận anh thường xuyên uống rượu và đã nhiều lần năn nỉ chị T nhưng vợ chồng không hàn gắn được. Tòa án đã tiến hành hòa giải

cho chị T và anh T’ đoàn tụ nhưng chị T vẫn cương quyết ly hôn. Việc anh T’ không đồng ý ly hôn vì cho rằng còn thương chị T nhưng sau khi đến Tòa án hòa giải lần đầu thì anh T’ đã bỏ địa phương đi làm, điều này cho thấy anh T’ không đến Tòa án để hòa giải hàn gắn tình cảm với chị T và phù hợp với lời khai của người làm chứng bà Nguyễn Thị Ư, bà Ư cho rằng bà nghe anh T’ nói khi nào Tòa án mời sẽ đồng ý ký tên ly hôn cho thấy hôn nhân giữa chị T và anh T không thể hàn gắn được, mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị Ngô Thị T được ly hôn với anh Nguyễn Văn T’ là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

Về nuôi con chung: Chị Ngô Thị T và anh Nguyễn Văn T’ thống nhất thỏa thuận: Chị Ngô Thị T được tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Nguyễn Văn Q, sinh ngày 05/10/2013. Xét, việc thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội phù hợp với quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Nguyễn Văn T’ không phải cấp dưỡng nuôi con do chị T tự nguyện không yêu cầu phù hợp với Điều 5 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

Về quyền thăm nom con chung: Sau khi ly hôn, anh T’ có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Anh T’ lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì chị T có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của anh T’ theo quy định tại khoản 3 Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị T và anh T’ thống nhất trình bày anh chị chung sống không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không đề cập đến.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc nguyên đơn chị Ngô Thị T chịu 300.000đ án phí ly hôn được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ theo lai thu số 0004147 ngày 26/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện HN là phù hợp với quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Đề nghị của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện HN phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 2 Điều 229, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56,

khoản 1, khoản 2 Điều 81, khoản 3 Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Ngô Thị T. Cho chị Ngô Thị T được ly hôn với anh Nguyễn Văn T'.

2. Về nuôi con chung: Công nhận sự thỏa thuận giữa chị Ngô Thị T và anh Nguyễn Văn T'.

2.1. Chị Ngô Thị T được tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Nguyễn Văn Q, sinh ngày 05/10/2013.

2.2 Anh Nguyễn Văn T' không phải cấp dưỡng nuôi con do chị T tự nguyện không yêu cầu.

2.3 Về quyền thăm nom con chung: Sau khi ly hôn, anh T' có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Anh T' lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì chị T có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của anh T'.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Ngô Thị T chịu 300.000đ án phí ly hôn, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ theo lai thu số 0004147 ngày 26/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện HN.

4. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 07/5/2019), đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Hồng Ngự;
- Lưu hồ sơ, lưu trữ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Nguyễn Thị Thùy Dung